

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN DƯƠNG
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 23/2023/DS-ST

Ngày: 08-9-2023

V/v chia di sản thừa kế

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Văn Thư

2. Ông Đỗ Thế Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Chính - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Thanh Nhân - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2023 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 06/2023/TLST-DS ngày 03 tháng 02 năm 2023 về chia di sản thừa kế theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2023/QĐXX-DS ngày 02/8/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2023/QĐST-DS ngày 23/8/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đặng Thị H; địa chỉ: Số 6/64/132, phường Đ, quận N, thành phố Hải Phòng; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Nguyễn Đức Chính - Luật sư Công ty Luật TNHH MTV Hoa Phượng; Đoàn Luật sư thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Bị đơn: Anh Đặng Hữu B; địa chỉ: Xóm 4, thôn T, xã L, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Cụ Nguyễn Thị V; địa chỉ: Xóm 4, thôn T, xã L, huyện A, thành phố Hải Phòng; có mặt.

2. Chị Đặng Thị N; địa chỉ: Số 9, tổ 4, khu 1, phường T, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

3. Chị Đặng Thị D; địa chỉ: Số 308 H, phường N, quận L, thành phố Hải Phòng; có mặt.

4. Anh Đặng Hữu H; địa chỉ: Thôn 3, xã G, huyện T, thành phố Hải Phòng; có mặt.
5. Anh Đặng Đức B; địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng; có mặt.
6. Chị Nguyễn Thị H; địa chỉ: Xóm 4, thôn T, xã L, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.
7. Bà Đặng Thị H; nơi cư trú cuối cùng: Xóm 4, thôn T, xã L, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 12/01/2023 của bà H và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn trình bày:

Bố bà là cụ Đặng Đức M (chết ngày 19/12/1993 - không để lại di chúc), mẹ là cụ Nguyễn Thị V. Cụ M và cụ V sinh được 05 người con gồm: Đặng Thị H, Đặng Thị N, Đặng Thị H, Đặng Thị D và Đặng Đức B. Cụ M chung sống với cụ Đỗ Thị Soát và sinh được 02 con riêng là Đặng Đức B và Đặng Hữu H. Cụ M không còn con riêng nào khác, không có con nuôi. Quá trình chung sống, M và cụ V có tài sản là quyền sử dụng đất diện tích là 1254m², loại đất thổ cư, tại thửa 143 tờ bản đồ số 18 thuộc đội 4, thôn Tràng Duệ, xã Lê Lợi, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng (Sau đây viết tắt là Thửa đất số 143) mang tên cụ Nguyễn Thị V. Hiện quyền sử dụng đất nêu trên do cụ V và anh B đang quản lý, sử dụng. Đầu tháng 12/2022, chị Đặng Thị N cùng gia đình thảo luận phân chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất thuộc phần di sản thừa kế của cụ M để lại nhưng anh Đặng Đức B không đồng ý và tìm mọi cách ngăn cản. Do đó bất đồng về quan điểm về chia di sản thừa kế. Nay bà H yêu cầu chia thừa kế là quyền sử dụng đất của cụ M theo quy định và đề nghị được chia bằng hiện vật để sử dụng. Phần của bà Đặng Thị H do đang vắng mặt tại địa phương nên giao cho cụ V quản lý. Đề nghị giao cho bà H, bà D quản lý sử dụng chung.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn phát biểu quan điểm: Việc nguyên đơn khởi kiện và trình bày quan điểm như trên là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chia thừa kế là quyền sử dụng đất bằng hiện vật của cụ Đặng Hữu M là $\frac{1}{2}$ diện tích quyền sử dụng đất trong tổng diện tích đất thổ cư là 1236,5m² Tại thửa đất số 143.

Lời khai tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị V trình bày: Thống nhất về quan hệ hôn nhân, huyết thống cũng như tài sản của cụ, di sản của cụ M như bà H trình bày ở trên là đúng. Cụ có quan điểm đề nghị phân chia theo quy định, chia cho bà N ở cạnh đất của cụ V, phần cụ V được hưởng thừa kế giao cho bà N một phần để bà N có đủ diện tích bằng hiện vật sử dụng; bà N thanh toán trị giá cho cụ V. Phần di sản còn lại đề nghị giao chung với phần của anh B và bà H để bà và anh B quản lý sử dụng chung.

Lời khai tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đặng Thị N, Đặng Thị D, Đặng Đức H và Đặng Đức B trình bày thống nhất về quan hệ hôn nhân, huyết thống cũng như di sản của cụ M như bà H trình bày ở trên. Bà N đồng ý với quan điểm phân chia, vị trí phân chia như cụ V trình bày; bà D đồng ý nhận phần được hưởng nhưng cho bà H sử dụng; anh H và anh B đề nghị được chia sử dụng chung bằng hiện vật.

Về chứng cứ thể hiện như sau: Thửa đất số 143 đứng tên cụ Nguyễn Thị V tại Sổ Mục kê năm 1996 và sổ Đăng kí ruộng đất năm 1996 của xã Lê Lợi, huyện An Dương; chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và về việc giải quyết vụ án như sau: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của pháp luật Tổ tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật; bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác đứng về phía bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 36, khoản 2 điều 227, điều 228 của Bộ luật Tổ tụng dân sự (BLTTDS); các điều 609, 611, 612, 613, 618, 623, điểm a khoản 1 Điều 650, điểm a khoản 1 Điều 651, Điều 660 của Bộ luật dân sự (BLDS); Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chia thừa kế là quyền sử dụng đất của ông Đặng Hữu M là $\frac{1}{2}$ diện tích quyền sử dụng đất trong tổng diện tích đất thổ cư là 1236,5m² Tại thửa đất số 143. Chia hiện vật cho các đương sự theo quy định. Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tính theo quy định của pháp luật. Miễn án phí cho đương sự thuộc diện được miễn và có đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn cư trú và di sản thừa kế tại huyện An Dương nên Tòa án nhân dân huyện An Dương thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Theo nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn Tòa án xác là Tranh chấp về thừa kế tài sản quy định tại Điều 26 của BLTTDS.

[3] Về tố tụng: Anh Đặng Đức B, chị Nguyễn Thị H đã được Tòa án triệu tập đến phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Bà Đặng Thị H đã bị Tòa án tuyên bố mất tích theo quyết định đã hiệu lực pháp luật, các văn bản của bà H đã được niêm yết công khai. Căn cứ Điều 227 của BLTTDS Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[4] Về di sản thừa kế là Thửa đất số 143: Đây là tài sản trong thời hôn nhân giữa cụ V và cụ M. Cụ M đã chết, nay đồng thừa kế có yêu cầu chia theo số liệu đo vẽ mới là 1236,5m² nên cần xét giải quyết.

[5] Về thời hiệu khởi kiện: Theo quy định tại Điều 623 của BLDS thì thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản kể từ thời điểm mở thừa kế. Cụ M chết ngày 19/12/1993, ngày 12/01/2023 bà H làm đơn khởi kiện là chưa quá 30 năm nên vụ án còn thời hiệu khởi kiện.

[6] Về quan hệ hôn nhân, huyết thống: Căn cứ lời khai đương sự và chứng cứ Tòa án thu thập được xác định cụ M và cụ V sinh được 5 người con, cụ M chung sống với cụ Soát sinh được 2 người con nhưng bà H trình bày ở trên là đúng.

[7] Về diện được hưởng di sản thừa kế của cụ M: Không có tài liệu chứng minh người thuộc diện thừa kế không được hưởng di sản thừa kế cũng như phải thực hiện nghĩa vụ của người để lại di sản. Không có ai từ chối quyền hưởng cũng như thuộc trường hợp không được hưởng di sản thừa kế. Do vậy di sản của cụ M được chia cho các đồng thừa kế là 08 người gồm cụ V, bà H, bà N, bà H, bà D, anh B, anh B và anh H. Tuy nhiên cần xác định công sức cho cụ V bằng 1 suất thừa kế nên di sản của cụ M được chia thành 9 kì phần bằng nhau trong đó cụ V được 02 suất. Giao phần của bà H cho cụ V quản lý, trông coi.

[8] Phần tài sản riêng của cụ V: Trên thửa đất hiện nay có một số tài sản là của cụ V và vợ cH anh B xây dựng nên xác định phần đất có tài sản theo đo vẽ thực tế là 1/2 diện tích thửa đất (bằng $618,25m^2$) là tài sản của cụ V trong khối tài sản chung của hai cụ nằm giáp đất của hộ bà Nhang trên sơ đồ thửa đất.

[9] Về di sản của cụ M: 1/2 diện tích còn lại là của cụ M (bằng $618,25m^2$) xác định phần không có tài sản nằm giáp đất hộ bà Thúy và chia mỗi kỳ phần được $68,69m^2$ (Làm tròn số). Xét hiện trạng thực tế cũng như nguyện vọng của cụ Vinh, bà N và các được sự có mặt tại phiên tòa là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc nên cần thể chia hết bằng hiện vật cho các đồng thừa kế sử dụng; cụ thể:

[9.1] Chia, giao cho bà H quản lý sử dụng diện tích làm tròn số là $137,55m^2$ tại vị trí giáp đất bà Thúy (trong đó có 1/2 diện tích của bà D cho); chia giao cho anh B và anh H quản lý sử dụng chung diện tích làm tròn số là $137,5 m^2$ tại vị trí tiếp giáp đất chia cho bà H và bà N; chia giao cho bà N quản lý sử dụng diện tích làm tròn số là $137,2 m^2$ tại vị trí tiếp giáp đất chia cho anh B anh H và cụ V anh B bà H. Chia, giao cho V và anh B quản lý sử dụng chung phần di sản thừa kế được phân chia làm tròn số là $137,3m^2$ (trong đó cụ V và anh B mỗi người có 1/2 diện tích) và giao cho cụ V tạm thời quản lý phần di sản của bà H diện tích làm tròn số là $68,69m^2$. Trường hợp các bên không tự phân chia được thì có quyền làm yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung bằng một vụ án dân sự khác. Vợ anh B là chị Nguyễn Thị H được quản lý, sử dụng chung các tài sản trên đất cùng với cụ V, anh B.

[9.2] Về thanh toán giá trị: Như phân tích trên, bà N phải thanh toán cho cụ V trị giá 1 suất di sản theo giá thị trường đã được hội đồng định giá là 20.000.000 đồng/ m^2 ; thành tiền là 1.373.800.000 đồng.

[10] Về chi phí thẩm định và định giá tài sản: Quá trình giải quyết vụ án, do nguyên đơn đã tự nguyện nộp toàn bộ chi phí và có quan điểm không yêu cầu bị đơn cũng như các đương sự khác trong vụ án phải chịu nên không giải quyết.

[11] Về án phí: Cụ Vinh (sinh năm 1950) do là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên thuộc trường hợp được miễn án phí quy định tại khoản 1 Điều 146 của BLTTDS và điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Theo quy định tại khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà H, N, H, D; anh B, B và H mỗi người phải chịu 53.214.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tính trên kỳ phần được chia; mỗi người phải chịu 7.602.000 đồng đối với phần tính công sức chia cho cụ V.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 92, 147, khoản 2 Điều 184 và khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 149; các điều 236, 610, 623, 649, 650, 651, 652, 654 và 660 của Bộ luật Dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Xác định diện tích đo thực tế 1236,5m² tại thửa đất số 143 tờ bản đồ số 18 thuộc đội 4, thôn Tràng Duệ, xã Lê Lợi, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng thuộc quyền sở hữu của cụ Đặng Hữu M và cụ Nguyễn Thị V.

2. Xác định phân di sản của cụ Đặng Đức M có diện tích 618.25m² tại thửa đất số 143 tờ bản đồ số 18 thuộc đội 4, thôn Tràng Duệ, xã Lê Lợi, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng; tại vị trí có tứ cận: Phía Bắc và Đông giáp đất hộ bà Thúy, phía Nam giáp đường thôn, phía Tây giáp đất cụ V (có các mốc giới 2a,3,3a,4,4a,4b,5,6,7,8,9,9a,9b,10,10a,11,2a trên sơ đồ).

3. Chấp nhận yêu cầu chia di sản thừa kế của bà Đặng Thị H. Chia, giao cụ thể như sau:

+ Chia, giao cho bà Đặng Thị H quản lý sử dụng diện tích 137.55m² tại vị trí có tứ cận: Phía Bắc và Đông giáp đất hộ bà Thúy, phía Nam giáp đường thôn, phía Tây giáp đất chia cho anh H, anh B (có các mốc giới 4b,5,6,7,8,9,9a,4b trên sơ đồ).

+ Chia, giao cho anh Đặng Hữu H và Đặng Đức B quản lý sử dụng chung diện tích 137.5m² tại vị trí có tứ cận: Phía Bắc giáp đất hộ bà Thúy, phía Nam giáp đường thôn, phía Đông giáp đất chia cho bà H, phía Tây giáp đất chia cho bà N (có các mốc giới 4a,4b,9a,9b,4a trên sơ đồ).

+ Chia, giao cho bà Đặng Thị N quản lý sử dụng diện tích 137.2m² tại vị trí có tứ cận: Phía Bắc giáp đất hộ bà Thúy, phía Nam giáp đường thôn, phía Đông giáp đất chia cho anh B và anh H, phía Tây giáp đất chia, giao cho cụ V, anh B, bà H (có các mốc giới 3a,4,4a,9b,10,10a,3a trên sơ đồ).

+ Chia, giao cho cụ Nguyễn Thị V và anh Đặng Hữu B quản lý sử dụng chung diện tích 137.3m² (trong đó của cụ V và của anh B mỗi người có 1/2 diện tích); giao cho cụ Nguyễn Thị V tạm thời quản lý phần di sản của bà Đặng Thị H diện tích làm tròn số là 68,69m² tại vị trí có tứ cận: Phía Bắc giáp đất hộ bà Thúy, phía Nam giáp đường thôn, phía Đông giáp đất chia cho bà N, phía Tây giáp đất của cụ V (Tổng diện

tích làm tròn số là 206m² có các mốc 2a,3,3a,10a,11,2a trên sơ đồ). Cụ V, anh B, chị H có quyền sử dụng toàn bộ tài sản trên phần di sản chia, giao cho cụ V anh B và phần di sản của bà H tạm giao cho cụ V quản lý.

(Có sơ đồ phân chia đất kèm theo bản án).

Về thanh toán trị giá: Bà Đặng Thị N phải thanh toán cho cụ Nguyễn Thị V 1.373.800.000 đồng.

Về lãi suất chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bà Đặng Thị H, Đặng Thị N, Đặng Thị H, Đặng Thị D, anh Đặng Hữu B, Đặng Đức B và Đặng Hữu H mỗi người phải chịu 53.214.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tính trên kỷ phần được chia. Bà Đặng Thị H, Đặng Thị N, Đặng Thị H, Đặng Thị D, anh Đặng Đức B, Đặng Đức B và Đặng Đức H mỗi người phải chịu 7.602.000 đồng đối với phần tính công sức chia cho cụ V. Tổng số tiền án phí mỗi người phải nộp là 60.816.000 đồng; bà H được trừ vào số tiền 5.350.000 đồng theo biên lai thu tiền số 5725 ngày 03/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương, bà H còn phải nộp 55.466.000 đồng. Miễn án phí cho cụ Nguyễn Thị V.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;
- Chi cục THADS h. An Dương;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Văn Dũng

